

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO AN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT INVESTMENT AND DEVELOPMENT HIGH TECH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110308781

3. Ngày thành lập: 04/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14 +16, Ngõ 275 Phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0352583339

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
13.	Khai thác gỗ	0220
14.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
15.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
16.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
17.	Khai thác và thu gom than non	0520
18.	Khai thác quặng sắt	0710
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Giáo dục nhà trẻ	8511
21.	Giáo dục mẫu giáo	8512
22.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
23.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
24.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
29.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312

30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản - Quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
31.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
32.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
33.	Cho thuê xe có động cơ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
36.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
45.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
49.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
58.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
59.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Đại lý dịch vụ viễn thông - Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Kinh doanh hàng hóa viễn thông.	6190
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm.)	7730
61.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
62.	Đại lý du lịch	7911
63.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
65.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Xây dựng nhà không để ở	4102
72.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
73.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223(Chính)
77.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
78.	Xây dựng công trình thủy	4291
79.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

82.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
89.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
90.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
91.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, nước thơm - Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI TẮT KIÊM	Thôn Trung Lang, Xã Nam Hải, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100	100.000.000	2,000	0340870049 57	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100	100.000.000	2,000		
2	ĐỖ THỊ HUỆ	Số 14/16 Ngõ 275 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	2.500.000.000	50,000	0341850136 25	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	2.500.000.000	50,000		

3	LÊ THỊ VÂN	Thôn Song Động, Xã Tân An, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.400	2.400.000.000	48,000	0301900052 59
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.400	2.400.000.000	48,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI TẤT KIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034087004957

Ngày cấp: 22/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung Lang, Xã Nam Hải, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trung Lang, Xã Nam Hải, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội